TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/DS-PT
Ngày: 25-02-2025

"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Dương Tuấn Vinh

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 793/2024/TLPT- DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc: *"tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".* Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2024/QĐ-PT, ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Dương Văn Ẩ, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: ông Trần Văn T, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Huỳnh Nguyễn Hoài T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Địa chỉ: số G, đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại điện theo pháp luật: ông Nguyễn Bình T2 - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Bành Ánh N sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Lưu N1, sinh năm 1954.

5. Bà Lê Thị X, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Dương Văn Ẩ *trình bày:* yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Văn T trả diện tích đất 60m^2, được đo đạc thực tế là 68,1m^2 tại thửa số 41 tờ bản đồ số 23, toạ lạc tại ấp S, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do đất là của ông nhận chuyển nhượng của ông Lưu N1, bà Lê Thị X, đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng và chuyển tên quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/6/2021. Ông đã giao đủ tiền chuyển nhượng cho ông N1 và đã nhận đất chuyển nhượng tại nhà của ông T. Ông nhận chuyển nhượng 02 phần đất: một phần tại thửa số 10, tờ bản đồ số 23 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lưu N1 đứng tên, diện tích 433,2m^2 và một phần thửa số 9 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các bên lập giấy tay chuyển nhượng đất có ông T ký tên giáp ranh, có chính quyền địa phương xác nhận (thửa số 10 ông và ông K cùng nhận chuyển nhượng đất, sau đó 2 người tách ra 2 thửa là thửa 40 và 41). Thửa số 41 do ông Ẩ đứng tên quyền sử dụng đất, hiện trạng đất ông nhận (phần tại thửa số 10 trên lộ) có phía giáp đất ông T là hàng dừa và cóc trồng xen kẽ do ông Trần Ty P trồng và lối đi xi măng do ông P làm, phía sau hậu đất có bụi tre gai. Phần đất dưới mé sông thì có nền xi măng của ông P cất nhà vẫn còn thể hiện ranh đất giữa hai bên. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì ông sử dụng nhưng phía ông T không cho sử dụng, ông T đào xi măng và trồng cây qua đất của ông (qua khỏi hàng dừa, cóc) trồng cây ngay trên nền xi măng và ông T đã lấn chiếm, sử dụng diện tích đất 68,1m^2 tại thửa số 41 tờ bản đồ số 23 của ông, cơ quan chuyên môn đã đo đạc và xác định 68,1m^2 nằm trong thửa số 41 tờ bản đồ số 23 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông. Vì vậy, ông yêu cầu ông Trần Văn T phải trả lại cho ông diện tích đất 68,1m^2. Về giá trị đất tranh chấp thì ông không yêu cầu Tòa án định giá, ông xác định diện tích

68,1m^2 có giá 100.000.000 đồng. Đối với các loại cây trồng và lối đi xi măng thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T *trình bày:* ông không đồng ý với yêu cầu của ông Dương Văn Ẩ do đất là của ông. Đồng thời, ông yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Văn Ẩ tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 23 trên diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 68,1m^2 tại thửa số 41 tờ bản đồ số 23 do cấp trùm lên đất của ông. Đất ông đã được cấp quyền sử dụng đất năm 1996, có hồ sơ cấp quyền sử dụng đất đầy đủ, có ranh giới rõ ràng với đất của ông C (cha của ông Ty P). Quá trình sử dụng, ông C đã chuyển nhượng cho bà G, sau đó lấy lại đất và cho Ty P là con trai sử dụng đất. Cháu ông tên Trần Ty P sử dụng làm quán nước, và hỏi ông mượn 1 phần đất giáp ranh đất ông để sử dụng. Ông cho mượn vào thời gian nào thì không nhớ, không xác định được cho mượn diện tích bao nhiêu, việc cho mượn đất không làm giấy tờ, không có gì chứng minh. Sau khi mượn đất thì T3 Phô trồng cây dừa, cóc, làm đường đi xi măng ngay trên phần đất mượn. Ông không biết từ khi nào ông T3 Phô có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không biết ông T3 phô chuyển nhượng đất cho ông N1, sau đó ông N1 chuyển nhượng cho ông Ẩ. Ông xác định phần đất tranh chấp 68,1m^2 là của ông nên ông sử dụng. Ông không lấn chiếm đất của ông Ẩ nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Ẩ và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ẩ diện tích 68,1m^2 tại thửa số 41 tờ bản đồ số 23 do cấp trùm lên đất của ông. Về giá trị đất tranh chấp thì ông không xác định được, ông cũng không ý kiến gì về giá trị đất ông Ẩ đưa ra, ông không yêu cầu Tòa án định giá đất. Việc ông Ẩ cho rằng đã nhận đất chuyển nhượng tại nhà của ông là ông không thống nhất, không có việc nhượng đất tại nhà ông. Đối với các cây trồng trên đất ông không yêu cầu giải quyết, trường hợp Tòa án giải quyết đất của ai thì người đó được quyền quyết định về các cây trồng gắn liền với đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H *và* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B*:* không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bành Ánh N *trình bày*: bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của chồng bà tên Dương Văn Ẩ, bà không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu N1*, bà* Lê Thị X *thống nhất trình bày*: ông Ẩ yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T trả diện tích đất 60m^2 được đo đạc thực tế là 68,1m^2 tại thửa số 41 tờ bản đồ số 23, toạ lạc tại ấp S, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu là một phần diện tích đất của ông bà trước đây chuyển nhượng cho ông Ẩ vào năm 2021. Năm 2020, ông bà nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Ty P (ông P là cháu ruột của ông T) cả 2 diện tích thửa số 09 và thửa số 10, có giấy chuyển nhượng đất lập ngày 14/12/2020, có thể hiện rõ diện tích đất chuyển nhượng, vị trí, kích thước tứ cạnh và người giáp ranh là ông Trần Văn T ký tên chứng kiến, xác định ranh giới. Sau đó, ông bà làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời gian sau đó, ông Dương Văn Ẩ có nhu cầu sử dụng đất nên ông bà chuyển

nhượng lại cho ông Ẩ hết các diện tích đất ông bà nhận chuyển nhượng từ ông Ty P, ông bà đã hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng và chuyển tên cho vợ chồng ông Ẩ, ông Ẩ còn tách thửa đối với phần đất trên bờ (thửa số 10) cho người chú tên K (do ông Ẩ và ông K cùng nhau nhận chuyển nhượng đất nên phần đất giáp ranh đất của ông Ẩ nằm giáp ranh với ông T). Hiện trạng đất khi ông, bà bàn giao đất cho ông Ẩ có trụ đá làm ranh, cặp ranh đất có hàng dừa của ông T3 Phô trồng, xen kẽ hàng dừa là mấy cây cóc, tiếp đến là đường đi xi măng do ông Ty P làm. Phía sau giáp ranh đất của ông T và ông Ẩ có bụi tre gai. (phần trên bờ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), phần đất dưới mé sông có nền xi măng của ông Ty P trước đây xây dựng nhà (phía giáp đất ông T). Hiện tại, ông bà thấy ông Ẩ chưa thay đổi hiện trạng đất khi nhận chuyển nhượng từ ông bà thì phát sinh tranh chấp với ông T. Khi thoả thuận chuyển nhượng đất cho ông Ẩ thì có sự chứng kiến của ông T, ký tên tại nhà ông T (do phần đất chuyển nhượng không có chỗ ngồi nói chuyện nên mượn nhà ông T ngồi). Theo ông bà thì phần đất tranh chấp là của ông Ẩ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Ẩ đối với ông Trần Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 68,1m² nằm tại thửa số 41, tờ bản đồ số 23, đất toạ lạc tại ấp S, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ giao trả ông Dương Văn Ẩ diện tích đất 68,1m² nằm tại thửa số 41, tờ bản đồ số 23, đất toạ lạc tại ấp S, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Trần Văn T, cạnh dài 25,15m;

- Hướng Tây giáp phần đất không tranh chấp của ông Dương Văn Ẩ, cạnh dài 25,52m;

- Hướng Nam giáp phần đất ông Trịnh Văn T4, cạnh dài 4,20m;

- Hướng Bắc giáp đường Đ Cầu S - N - N - V, cạnh dài 1,20m.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 666195 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Dương Văn Ẩ, bà Bành Ánh N đối với diện tích đất tranh chấp 68,1m^2 tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 23, đất toạ lạc tại ấp S, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2024, bị đơn ông Trần Văn T kháng cáo không đồng ý quyết định bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của ông.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Huỳnh Nguyễn Hoài T1 *trình bày:* trên đất ông T có bụi tre do mẹ ông T trồng từ lâu, ông P khi sang nhượng không đo đạc xác định ranh giới cụ thể nên không có cơ sở cho rằng ông T lấn sang đất ông Ẩ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn Ẩ về yêu cầu ông T trả diện tích đất 68,1m^2 tại thửa số 41 tờ bản đồ số 23; đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Ẩ diện tích 68,1m^2 tại thửa số 41 tờ bản đồ số 23 do giấy chứng nhận của ông Ẩ cấp trùm lên đất của ông T.

Ông Trần Văn T *không bổ sung.*

Ông Dương Văn Ẩ *không tham gia tranh luận.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về việc xét xử vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Toà án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T được thực hiện đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lưu N1 và bà Lê Thị X vắng mặt, đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án, không làm ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của bị đơn nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định trình tự, thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là phù hợp theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T

[4.1] Theo nguyên đơn ông Dương Văn Ẩ xác định, đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Trần Văn C1 tặng cho con tên Trần Ty P năm 2017. Ông T3 Phô quản lý, sử dụng đất đến năm 2020 thì chuyển nhượng cho ông Lưu N1, bà Lê Thị X. Ngày 21/5/2021, ông N1, bà X chuyển nhượng lại cho ông Dương Văn Ẩ và ông Dương Phú K. Ông Ẩ, ông K đã làm thủ tục và được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 15/6/2021. Phần đất ông nhận chuyển nhượng có cạnh giáp đất ông Trần Văn T. Ông Ẩ nhận đất do ông Lưu N1 giao từ ngày nhận chuyển nhượng nhưng chưa sử dụng mà để nguyên hiện trạng. Đến khi sử dụng đất thì ông T ngăn cản và cho rằng phần đất tranh chấp là của ông T.

Theo bị đơn ông Trần Văn T xác định, phần đất tranh chấp là của ông, được cấp quyền sử dụng đất năm 1996, có hồ sơ cấp quyền sử dụng đất đầy đủ, có ranh giới rõ ràng với đất của ông C1 (cha của ông Ty P). Quá trình sử dụng, ông C1 đã chuyển nhượng cho bà G, sau đó lấy đất lại và cho Ty P là con trai sử dụng đất. Cháu ông tên Trần Ty P sử dụng làm quán nước, và hỏi ông mượn 1 phần đất giáp ranh đất ông để sử dụng. Ông cho mượn vào thời gian nào thì không nhớ, không xác định được cho mượn diện tích bao nhiêu, việc cho mượn đất không làm giấy tờ, không có gì chứng minh. Ông Trần Ty P trồng cây dừa, cóc, làm đường bê tông ngay trên phần đất mượn. Ông không biết từ khi nào ông T3 Phô có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không biết ông T3 phô chuyển nhượng đất cho ông N1, sau đó ông N1 chuyển nhượng cho ông Ẩ.

[4.2] Xét thấy, diện tích đất tranh chấp 68,1m^2 tại thửa số 41 tờ bản đồ số 23 có nguồn gốc là đất của ông Trần Văn C1 (ông C1 là anh ruột của ông Trần Văn T), ông C1 được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 404734 ngày 05/6/2015, diện tích 947,2m^2, tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 23. Ông C1 tặng cho con tên Trần Ty P cùng vợ tên Lê Thị Sẫm B theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/8/2017. Ông Ty P và vợ tên Lê Thị Sẫm B được chỉnh lý biến động ngày 14/8/2017. Ngày 14/12/2020, ông Ty P chuyển nhượng hết thửa đất cho ông Lưu N1, bà Lê Thị X và được chỉnh lý biến động ngày 25/12/2020. Ngày 21/5/2021, ông N1, bà X chuyển nhượng một phần thửa đất số 10 cho ông Dương Văn Ẩ, bà Bành Ánh N được tách ra từ thửa đất số 10, tờ bản đồ số 23 thành thửa đất mới là thửa số 41, tờ bản đồ số 23 diện tích 433,2m^2 (Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có điều chỉnh thay đổi diện tích thửa đất số 10 diện tích 947,2m^2 thành diện tích 923,4m^2, một phần đất còn lại thì chuyển nhượng cho ông Dương Phú K). ông Ẩ làm thủ tục và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 666195 đối với diện tích đất 433,2m^2 tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 23. Như vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lưu N1, bà Lê Thị X và ông Dương Văn Ẩ, bà Bành Ánh N được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc ông T cho rằng đất tranh chấp là của ông T, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T chỉ là lời trình bày không có căn cứ, không có gì để chứng minh. Trong khi, thời điểm ông Ty P chuyển nhượng đất cho ông Lưu N1 thì có lập văn bản chuyển nhượng đất ngày 14/12/2020, có giáp ranh là ông Trần Văn T ký chứng kiến và chính quyền địa phương xác nhận.

Ông T cũng thừa nhận chữ ký của ông tại văn bản chuyển nhượng đất này và thống nhất với nội dung văn bản chuyển nhượng đất lập ngày 14/12/2020 giữa ông Ty P và ông Lưu N1 (bút lục số 61, 159, 160). Như vậy, diện tích đất tranh chấp ông T cho rằng bị cấp trùng lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, đồng thời ông cho rằng diện tích đất là của ông là không có cơ sở.

[4.3] Từ nhận định trên, xét Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tài liệu chứng cứ đã được thu thập, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Trần Văn T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy **Dương Tuấn Vinh** **Lê Văn An**